



国家汉办/孔子学院总部
Hanban/Confucius Institute Headquarters

新汉语水平考试

HSK (一级)

H11003

注 意

一、HSK (一级) 分两部分:

1. 听力 (20题, 约15分钟)
2. 阅读 (20题, 17分钟)

二、听力结束后, 有3分钟填写答题卡。

三、全部考试约40分钟 (含考生填写个人信息时间5分钟)。

中国 北京

国家汉办/孔子学院总部 编制

一、听力

第一部分

第1-5题

例如：		√
		×
1.		
2.		
3.		
4.		
5.		

第二部分

第 6-10 题

例如:	 A ✓	 B	 C
6.	 A	 B	 C
7.	 A	 B	 C
8.	 A	 B	 C

9.	 A	 B	 C
10.	 A	 B	 C

第三部分

第 11-15 题

A



B



C



D



E



F



例如：女：Nǐ hǎo!
你好！

男：Nǐ hǎo! Hěn gāoxìng rènshi nǐ.
你好！很高兴认识你。

C

11

12•

13•

14•

15•

.

☐☐☐☐☐

第四部分

第 16-20 题

例如： Xiàwǔ wǒ qù shāngdiàn , wǒ xiǎng mǎi yìxiē shuǐguǒ.
下午我去商店，我想买一些水果。

Tā xiàwǔ qù nǎlǐ ?
问：她下午去哪里？

A shāngdiàn
商店 ✓

B yīyuàn
医院

C xuéxiào
学校

16. A gǒu
狗

B māo
猫

C māo hé gǒu
猫和狗

17. A 0

B 6 nián
年

C 7 nián
年

18. A zhuōzi shàng
桌子上

B yǐzi shàng
椅子上

C diànnǎo hòumiàn
电脑后面

19. A shàngwǔ
上午

B míngtiān
明天

C xià ge yuè
下个月

20. A 8 suì
岁

B 20 suì
岁

C 40 suì
岁